HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26 /2017/NQ-HĐND	*Đắk Lắk, ngày 11 tháng 10 năm 2017*

NGHỊ QUYẾT

Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

UBND HUYỆN CƯ M'GAR
Số: 6141
ĐẾN Ngày 21/10/17
24/10/17
Chuyển: 13h30

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ quy định tại Khoản 5, Điều 11 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Xét Tờ trình số 115/TTr-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 70/BC-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh trong trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối với học sinh, gồm:

- Học sinh tiểu học, trung học cơ sở đảm bảo các điều kiện quy định tại điểm b, điểm c, khoản 1 Điều 4 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP;

- Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP;

- Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP.

b) Đối với các trường phổ thông, gồm:

- Trường phổ thông dân tộc bán trú;

- Trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP;

3. Khoảng cách, địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày

a. Khoảng cách: Việc xác định khoảng cách thực hiện theo 01 trong 02 trường hợp sau:

- Nhà ở xa trường khoảng cách từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học, từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở và từ 10 km trở lên đối với học sinh trung học phổ thông;

- Trường hợp do địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn, có thể gây mất an toàn, nguy hiểm đối với học sinh khi đi học, đường đến trường cách sông, suối không có cầu, qua vùng núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá được quy định: Đối với học sinh tiểu học có nhà ở cách trường từ 1 km trở lên, đối với học sinh trung học cơ sở có nhà ở cách trường từ 2 km trở lên, đối với học sinh trung học phổ thông có nhà ở cách trường từ 3 km trở lên.

b. Địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày:

Là các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn (đối tượng là học sinh mà bản thân học sinh đó và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại thời điểm được hỗ trợ) thực hiện theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc.

Hàng năm nếu có phát sinh thành lập trường, phân hiệu mới hoặc điểm trường mới tại địa phương có khoảng cách học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày theo quy định nhưng Chính phủ, các cơ quan Trung ương chưa quy định cụ thể địa bàn đó thuộc xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và phê duyệt cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương sau khi thống nhất Thường trực hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Tỷ lệ khoán kinh phí hỗ trợ nấu ăn cho học sinh

a. Trường phổ thông dân tộc bán trú có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh bán trú được hỗ trợ kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh theo định mức khoán kinh phí bằng 200% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh, số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm một lần định mức; nhưng mỗi trường chỉ được hưởng không quá 05 lần định mức nêu trên/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm;

b. Đối với các trường phổ thông, điểm trường có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh số lượng từ 15 đến 29 học sinh thì được tính 01 định mức/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm học; dưới 15 học sinh thì được tính bằng ¾ định mức/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm học.

5. Các quy định khác không nêu trong Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa IX, Kỳ họp thứ bất thường thông qua ngày 11 tháng 10 năm 2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2017./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp; Sở GD&ĐT, Sở Tài chính;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn (UBND cấp huyện sao gửi);
- Báo Đắk Lắk; Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CtHĐND. 135

UBND HUYỆN CƯM'GAR
Số: 451/SL-UBND

Nơi nhận:
- TT huyện ủy;
- CT,PCT UBND huyện;
- Phòng TCKH;
- Phòng GD&ĐT;
- Phòng Tư pháp;
- UBND các xã,TT;
- Chánh, PVP;
- Lưu: VT.

SAO LỤC

Cư M'gar, ngày 25 tháng 10 năm 2017
TL. CHỦ TỊCH
KT.CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Phan Thị Trang Thu